

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016- 2020, định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 28 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1694/TTr-SGTVT ngày 28/4/2016 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh bằng xe ô tô tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 637/STP-XDVB ngày 30/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển

1.1. Quan điểm phát triển

- Quy hoạch chi tiết mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030 phải phù hợp với Chiến lược phát triển giao thông vận tải, Chiến lược phát triển dịch vụ vận tải, Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam, Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan.

- Phát triển mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh Thanh Hóa phải đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân giữa các vùng miền, đảm bảo an toàn, thuận lợi, chi phí hợp lý.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả khai thác của toàn mạng lưới vận tải hành khách tuyến cố định

nội tỉnh; tăng cường kết nối các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh với các phương thức vận tải hành khách khác.

- Tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch, bình đẳng giữa các đơn vị kinh doanh vận tải và đơn vị đầu tư, khai thác bến xe ô tô khách; hình thành thị trường vận tải hành khách tuyến cố định nội tỉnh có tính cạnh tranh cao, lành mạnh và hiệu quả.

- Phát triển hợp lý, đồng bộ về cơ sở hạ tầng giao thông, luồng tuyến và phương tiện vận tải. Chú trọng nâng cao chất lượng mạng lưới đường bộ, phương tiện vận tải khách theo hướng đảm bảo an ninh, an toàn, hiện đại, chất lượng, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

1.2. Mục tiêu phát triển

Hình thành mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh đường bộ thống nhất và hợp lý trên phạm vi cả tỉnh, đồng bộ với kết cấu hạ tầng, có quy mô phù hợp và đảm bảo kết nối với từng vùng, từng địa phương và kết nối với các phương thức vận tải hành khách khác, tạo thuận lợi đi lại cho người dân.

- ***Đến năm 2020:*** Các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh đường bộ đáp ứng nhu cầu số lượng phương tiện tăng bình quân từ $8 \div 10\%$ /năm, đạt khoảng 7.690 chuyến/tháng.

- ***Giai đoạn 2021 - 2030:*** Các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh đường bộ đáp ứng nhu cầu số lượng phương tiện tăng bình quân $5,7\%$ /năm, đạt khoảng 13.255 chuyến/tháng

2. Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030

2.1. Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020: Quy hoạch tăng tần suất của 23 tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh hiện có từ 3.400 chuyến/tháng lên 5.790 chuyến/tháng vào năm 2020.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo).

2.2. Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030:

- Tiếp tục khai thác hiệu quả các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh đã được quy hoạch chi tiết mạng lưới tuyến trong giai đoạn 2016 – 2020.

- Bổ sung thêm 31 tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại tăng trưởng bình quân $5,7\%$ /năm, đạt khoảng 13.255 chuyến/tháng.

(Chi tiết tại phụ lục II và III kèm theo).

3. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

3.1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Huy động vốn xã hội hóa kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước để đầu tư xây dựng bến xe các huyện miền núi theo quy hoạch mạng lưới bến xe ô tô khách được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Huy động nguồn vốn xã hội hóa để đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các bến xe tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn toàn tỉnh theo quy hoạch mạng lưới bến xe ô tô khách được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Vốn đầu tư cho mua sắm phương tiện vận tải là nguồn vốn của các doanh nghiệp kinh doanh vận tải.

- Kết hợp nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để từng bước đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, tạo thành mạng lưới giao thông hoàn chỉnh, liên kết, liên hoàn giữa các phương thức vận tải, giữa các vùng, miền trên phạm vi toàn tỉnh.

3.2. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Cơ chế chính sách xã hội hóa xây dựng mạng lưới bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh theo Quy hoạch mạng lưới bến xe được duyệt; tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách.

- Ưu tiên bố trí quỹ đất đầu tư xây dựng bến xe, điểm dừng đón, trả khách tuyến cố định; trạm dừng nghỉ theo quy hoạch, để hỗ trợ người dân tiếp cận và tăng cường kết nối với các phương thức vận tải khác.

- Cơ chế về đầu tư xây dựng, nâng cấp, bảo trì các tuyến đường bộ phục vụ vận tải khách đến các vùng miền trong tỉnh, đặc biệt là các huyện miền núi phía Tây của tỉnh.

3.3. Giải pháp về nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ vận tải

- Tăng cường quản lý hoạt động vận tải, quan tâm tổ chức lại mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định theo hướng hiện đại, lộ trình, tần suất hợp lý, quan tâm mức độ hoàn thiện của cầu đường, các điểm dừng, đón trả khách; quan tâm chất lượng phương tiện, giá vé, bảo đảm trật tự an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội, văn hóa giao thông và văn hóa ứng xử của đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ.

- Công khai quy hoạch tuyến cố định nội tỉnh để các doanh nghiệp vận tải đăng ký tham gia; thực hiện việc đánh giá lựa chọn đơn vị vận tải có đủ năng lực để khai thác tuyến đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải khách, đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

- Thường xuyên theo dõi, khai thác dữ liệu tích hợp số liệu từ thiết bị giám sát hành trình trên phương tiện vận tải hành khách để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về vận tải và an toàn giao thông.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát xử lý kịp thời các vi phạm quy định về quản lý hoạt động vận tải và điều kiện kinh doanh vận tải, từng bước tạo

môi trường pháp lý lành mạnh để khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý trong các đơn vị vận tải.

- Tăng cường và đổi mới công tác quản lý điều hành hoạt động mạng lưới vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định, đặc biệt là vai trò quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương.

3.4. Giải pháp về tuyên truyền, vận động

- Tổ chức tuyên truyền vận động các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế tham gia đầu tư xây dựng mạng lưới bến xe; công bố công khai quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải để các doanh nghiệp đầu tư phương tiện khai thác tuyến;

- Tổ chức tuyên truyền vận động các doanh nghiệp lựa chọn phương tiện khai thác trên tuyến phù hợp.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân lên, xuống xe đúng nơi quy định;

- Nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, ý thức cho đội ngũ lái xe chấp hành các quy định về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, đón trả khách đúng nơi quy định.

3.5. Phát triển nguồn nhân lực

Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ quản lý và khai thác của các doanh nghiệp vận tải, bồi dưỡng các nghiệp vụ nâng cao chất lượng phục vụ trên xe, chạy xe đúng hành trình tuyến, đón trả khách đúng nơi quy định, cử các bộ làm công tác vận tải tham gia các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức công bố, phổ biến rộng rãi Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh bằng xe ô tô tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 đến các ngành, địa phương, các doanh nghiệp vận tải, các tổ chức kinh tế.

b) Thường xuyên theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kịp thời xem xét, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong tỉnh.

c) Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Giao thông vận tải thực hiện xây dựng, bảo dưỡng duy trì đảm bảo giao thông tạo điều kiện cho các đơn vị vận tải hành khách bằng ô tô thực hiện khai thác tuyến đúng Quy hoạch; vận động các doanh nghiệp tham gia đầu tư xã hội hóa xây dựng bến xe theo Quy hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để tham mưu cho UBND tỉnh về các nguồn lực, kinh phí cho đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các đơn vị đào tạo sát hạch lái xe, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, có cơ chế chính sách, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực đảm bảo hoạt động các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh.

4. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố căn cứ nội dung Quy hoạch, phối hợp với Sở Giao thông vận tải để tổ chức hoạt động và đảm bảo công tác an ninh trật tự, an toàn giao thông trên các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh.

5. Hiệp hội vận tải ô tô Thanh Hóa, các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định: Căn cứ quy hoạch được phê duyệt đăng ký khai thác tuyến phù hợp với khả năng, điều kiện của đơn vị và thực hiện nghiêm các quy định về kinh doanh, điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ GTVT (để b/c);
- Tổng cục ĐBVN (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Cục quản lý đường bộ II;
- Lưu: VT, CN.



Lê Anh Tuấn



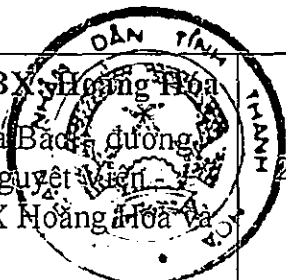
Phụ lục I

Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020

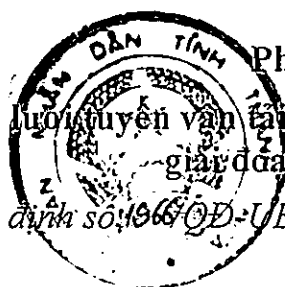
(Kèm theo Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên tuyến, lộ trình	Cự ly (km)	Tần suất năm 2015 (Chuyến/tháng)		Quy hoạch tần suất đến năm 2020 (Chuyến/tháng) Tăng từ 8% - 10% năm	
			Số xe	Chuyến/tháng	Số xe	Chuyến/tháng
1	BX: Phía Tây - BX: Mường Lát Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - đường HCM - QL 15 - QL 15C - BX Mường Lát và ngược lại	240	13	325	18	450
2	BX: Phía Tây - BX: Hồi Xuân Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - đường HCM - QL 15 - BX Quan Hóa và ngược lại.	120	13	325	18	450
3	BX: Phía Tây - BX: Quan Sơn Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - đường HCM - QL 15 - QL 217 - BX Quan Sơn và ngược lại.	135	20	500	26	650
4	BX: Phía Tây - BX: Ngọc Lặc Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại.	70	10	250	16	400
5	BX: Phía Tây - BX: Cửa Đạt Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - BX Cửa Đạt và ngược lại.	70	7	175	10	250
6	BX: Phía Tây - BX: Cẩm Thủy Lộ trình 1: BX Phía Tây - QL 45 - QL 217 - BX Cẩm Thủy và ngược lại. Lộ trình 2: BX Phía Tây - QL 45 - ĐT.518B - BX Cẩm Thủy và ngược lại.	70	10	250	16	400
7	BX: Phía Tây - BX: Vĩnh Lộc Lộ trình: : BX Phía Tây - QL 45 - BX Vĩnh Lộc và ngược lại.	45	0	0	5	125
8	BX: Phía Tây - BX: Lang Chánh Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - đường HCM - QL 15 - BX Lang	82	10	250	16	400

	Chánh và ngược lại					
9	BX: Phía Tây - BX: Bà Thước Lộ trình 1: BX Phía Tây - QL 47 - đường HCM - QL 15 - QL 217 - BX Cánh Năng và ngược lại. Lộ trình 2: BX Phía Tây - QL 45 - QL 217 - BX Cánh Năng và ngược lại.	120	23	575	32	800
10	BX: Phía Tây - BX: Thọ Xuân Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - đường tỉnh 506 - BX Thọ Xuân và ngược lại.	40	9	225	11	275
11	BX: Phía Tây - BX: Quan Lào Lộ trình: BX Phía Tây - QL 45 - BX Quán Lào và ngược lại.	30	3	90	4	100
12	BX: Phía Tây - BX: Triệu Sơn Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - Đ.T 514 - BX Triệu Sơn và ngược lại.	30	1	30	2	50
13	BX Phía Bắc - BX Kim Tân Lộ trình: BX Phía Bắc - đường tránh TP - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - QL 217b - BX Kim Tân	60	4	120	5	125
14	BX Phía Bắc - BX: Thường Xuân Lộ trình: BX Phía Bắc - đường Dương Đình Nghệ - QL 47 - BX Cửa Đạt và ngược lại.	70	2	60	3	75
15	BX: Phía Bắc - BX: Nga Sơn Lộ trình: BX Phía Bắc - Nguyễn Chí Thanh - đường Chánh TP - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - Đ.T. 508 - BX Nga Sơn và ngược lại	40	1	15	2	50
16	BX: Phía Bắc - BX: Bim Sơn Lộ trình: BX Phía Bắc - đường tránh TP - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - BX Bim Sơn Sơn và ngược lại.	35	0	0	2	50
17	BX: Phía Bắc - BX: Minh Lộc Lộ trình: BX Phía Bắc - đường tránh TP - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - Đ.T. 526b - Đ.T 526 - BX Minh Lộc Sơn và ngược lại.	30	0	0	4	100



18	BX: Phía Bắc - BX: Hoàng Hoa Lộ trình: BX Phía Bắc - đường tránh TP - Cầu Nguyệt Viên - QL1- QL 10 - BX Hoàng Hoa và ngược lại.	20	0	0	3	75
19	BX: Phía Nam - BX: Nghi Sơn Lộ trình: BX Phía Tây - đường Nguyễn Trãi - đường Quang Trung - QL1 - ĐT. 513 - BX Nghi Sơn và ngược lại.	70	3	60	10	600
20	BX: Phía Nam - BX: Yên Cát Lộ trình: BX Phía Nam - QL 45 - BX Yên Cát và ngược lại	60	2	60	3	75
21	BX: Phía Nam - BX: Nông Cống Lộ trình: BX Phía Nam - QL 45 - BX Nông Cống và ngược lại.	30	0	0	5	125
22	BX: Phía Nam - BX: Quảng Nhằm Lộ trình: : BX Phía Nam - đường Quang Trung - QL1 - thị tứ Quảng Nhằm và ngược lại	20	2	60	3	75
23	BX: Phía Nam - BX: Như Thanh Lộ trình: : BX Phía Nam- QL45 - TT Như Thanh và ngược lại.	42	1	30	3	90
	Tổng		134	3.400	217	5.790



Phụ lục II

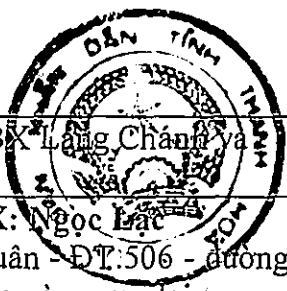
Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh Thanh Hóa
giai đoạn 2021 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tuyến vận tải	Cự ly (km)	Dự báo Quy hoạch tần suất đến năm 2020 (Chuyến/tháng)	
			Số xe	Chuyến/tháng
1	BX: Nga Sơn - BX: Cẩm Thủy Lộ trình1: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - Bến xe Cẩm Thủy và ngược lại. Lộ trình2: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217 - Bến xe Cẩm Thủy và ngược lại.	70	2	50
2	BX: Nga Sơn - BX: Bá Thước Lộ trình1: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 -Đường HCM - BX Bá Thước và ngược lại. Lộ trình2: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217 - Bến xe Bá Thước và ngược lại.	85	2	50
3	BX: Nga Sơn - BX: Hồi Xuân Lộ trình1: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - QL 217 - QL15 - BX Hồi Xuân và ngược lại. Lộ trình2: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217 - QL15 - BX Hồi Xuân và ngược lại.	110	2	50
4	BX: Nga Sơn - BX: Ngọc Lặc Lộ trình1: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại. Lộ trình2: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217 - ĐT. 516B - BX Ngọc Lặc và ngược lại.	90	2	50
5	BX: Nga Sơn - BX: Quan Sơn Lộ trình1: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - QL217 - BX Quan Sơn và ngược lại. Lộ trình2: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217 - ĐT. 516B - QL 15- QL 217- BX Quan Sơn và ngược lại.	140	2	50
6	BX: Sầm Sơn - BX: Quan Sơn Lộ trình1: BX Sầm Sơn - QL 47 - Đường HCM - QL217 - BX Quan Sơn và ngược lại. Lộ trình2: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL 45 -	150	4	100

	QL217 - BX Quận Sơn và ngược lại.			
7	BX: Sầm Sơn - BX: Hội Xuân Lộ trình1: BX Sầm Sơn - QL 47 - Đường HCM - QL217 - QL 15 - BX Hội Xuân và ngược lại. Lộ trình2: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL 45 - QL217 - QL 15 - BX Hội Xuân và ngược lại.	145	4	100
8	BX: Sầm Sơn - BX: Nghi Sơn Lộ trình: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL1 - ĐT. 513 - BX Nghi Sơn và ngược lại.	85	4	100
9	BX: Sầm Sơn - BX: Bìm Sơn Lộ trình: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL1 - BX Bìm Sơn và ngược lại.	45	2	50
10	BX: Sầm Sơn - BX: Vĩnh Lộc Lộ trình: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL45 - BX Vĩnh Lộc và ngược lại.	60	2	50
11	BX: Sầm Sơn - BX: Ngọc Lặc Lộ trình1: BX Sầm Sơn - QL 47 - Đường HCM BX Ngọc Lặc và ngược lại. Lộ trình2: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL45 - QL217 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại.	85	2	50
12	BX: Sầm Sơn - BX: Cẩm Thủy Lộ trình: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL45 - QL217 - BX Cẩm Thủy và ngược lại.	84	2	50
13	BX: Sầm Sơn - BX: Bá Thước Lộ trình: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL45 - QL217 - BX Bá Thước và ngược lại.	96	3	75
14	BX: Nghi Sơn - BX: Thọ Xuân Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - QL47 - ĐT. 506 - BX Thọ Xuân và ngược lại.	110	3	75
15	BX: Nghi Sơn - BX: Hội Xuân Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - QL47 - Đường HCM - QL 15 - BX Hội Xuân và ngược lại.	190	2	50
16	BX: Nghi Sơn - BX: Ngọc Lặc Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - QL47 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại.	140	3	75
17	BX: Nghi Sơn - BX: Bìm Sơn Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - BX Bìm Sơn và ngược lại.	105	3	75
18	BX: Nghi Sơn - BX: Vĩnh Lộc Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - QL 45 - BX Vĩnh Lộc và ngược lại.	115	2	50
19	BX: Nghi Sơn - BX: Thạch Thành Lộ trình1: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 -	130	2	50

	QL 45 - BX Kim Tân và ngược lại Lộ trình2 : BX Nghi Sơn - ĐT. 513 - QL1 - QL 217b - BX Kim Tân và ngược lại.			
20	BX: Nghi Sơn - BX: Nga Sơn Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT. 513 - QL1 - ĐT. 508 - BX Nga Sơn và ngược lại.	110	2	50
21	BX: Bim Sơn - BX: Cẩm Thủy Lộ trình1: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - BX Cẩm Thủy và ngược lại. Lộ trình2: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217 - BX Cẩm Thủy và ngược lại	50	2	50
22	BX: Bim Sơn - BX: Ngọc Lặc Lộ trình1: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại. Lộ trình2: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại	70	3	75
23	BX: Bim Sơn - BX: Kim Tân Lộ trình: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217b - BX Kim Tân và ngược lại.	28	2	50
24	BX: Bim Sơn - BX: Lang Chánh Lộ trình: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217b - ĐHCM - QL 15 - BX Lang Chánh và ngược lại.	82	2	50
25	BX: Bim Sơn - BX: Vĩnh Lộc Lộ trình: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217b - QL 45 - BX Vĩnh Lộc và ngược lại	40	1	25
26	BX: Bim Sơn - BX: Quan Sơn Lộ trình: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217b - đường HCM - QL 217 - BX Quan Sơn và ngược lại	150	2	50
27	BX: Vĩnh Lộc - BX: Hồi Xuân Lộ trình: BX Vĩnh Lộc - QL 217 - QL 15 - BX Hồi Xuân và ngược lại	80	2	50
28	BX: Vĩnh Lộc - BX: Quan Sơn Lộ trình: BX Vĩnh Lộc - QL 217 - BX Quan Sơn và ngược lại.	95	2	50
29	BX: Vĩnh Lộc - BX: Ngọc Lặc Lộ trình1: BX Vĩnh Lộc - QL 217 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại. Lộ trình2: BX Vĩnh Lộc - QL 45 - QL 47B - ĐT. 516B - BX Ngọc Lặc và ngược lại.	42	2	50
30	BX: Vĩnh Lộc - BX: Lang Chánh Lộ trình1: BX Vĩnh Lộc - QL 217 - Đường HCM - QL15 - BX Lang Chánh và ngược lại. Lộ trình2: BX Vĩnh Lộc - QL 45 - QL 47B -	60	2	50



	ĐT.516B - QL15 - BX Lăng Chánh và ngược lại.			
31	BX : Thọ Xuân- BX: Ngọc Lặc Lộ trình: BX Thọ Xuân -ĐT:506 - đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại.	30	2	50
	Tổng cộng		72	1.800



Phụ lục III

**Tổng hợp Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh
Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 08/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

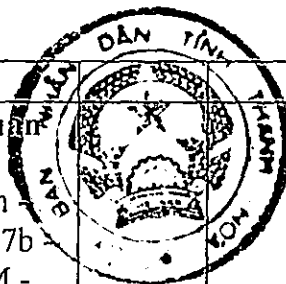
TT	Tuyến vận tải	Cự ly (km)	Hiện trạng		Đến năm 2020 (tăng 8- 10% năm)		Định hướng đến năm 2030	
			Số xe	Chuyến /tháng	Số xe	Chuyến /tháng	Số xe	Chuyến /tháng
1	BX: Phía Tây - BX: Mường Lát Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - đường HCM - QL 15 - QL 15C - BX Mường Lát và ngược lại	240	13	325	18	450	32	800
2	BX: Phía Tây - BX: Hồi Xuân Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - đường HCM - QL 15 - BX Quan Hóa và ngược lại.	120	13	325	18	450	32	800
3	BX: Phía Tây - BX: Quan Sơn Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - đường HCM - QL 15 - QL 217 - BX Quan Sơn và ngược lại.	135	20	500	26	650	38	950
4	BX: Phía Tây - BX: Ngọc Lặc Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại.	70	10	250	16	400	28	700
5	BX: Phía Tây - BX: Cửa Đạt Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - BX Cửa Đạt và ngược lại.	70	7	175	10	250	18	450
6	BX: Phía Tây - BX: Cẩm Thủy Lộ trình 1: BX Phía Tây - QL 45 - QL 217 - BX Cẩm Thủy và ngược lại. Lộ trình 2: BX Phía Tây -	70	10	250	16	400	25	625

	QL 45 - ĐT.518B - BX Cầm Thủy và ngược lại.						
7	BX Phía Tây - BX Vĩnh Lộc Lộ trình: : BX Phía Tây - QL 45 - BX Vĩnh Lộc và ngược lại.	0	5	125	10	250	
8	BX: Phía Tây - BX: Lang Chánh Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - đường HCM - QL 15 - BX Lang Chánh và ngược lại.	82	10	250	16	400	625
9	BX Phía Tây - BX Bá Thước Lộ trình 1: BX Phía Tây - QL 47- đường HCM - QL 15 - QL 217- BX Cảnh Năng và ngược lại. Lộ trình 2: BX Phía Tây - QL 45 - QL 217- BX Cảnh Năng và ngược lại.	120	23	575	32	800	1.050
10	BX Phía Tây - BX Thọ Xuân Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - đường tỉnh 506 - BX Thọ Xuân và ngược lại.	40	9	225	11	275	400
11	BX Phía Tây- BX Quán Lào Lộ trình: BX Phía Tây - QL 45- BX Quán Lào và ngược lại.	30	3	90	4	100	125
12	BX Phía Tây - BX Triệu Sơn Lộ trình: BX Phía Tây - QL 47 - Đ.T 514 - BX Triệu Sơn và ngược lại.	30	1	30	2	50	60
13	BX Phía Bắc - BX Kim Tân Lộ trình: BX Phía Bắc - đường tránh TP - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - QL 217b - BX Kim Tân	60	4	120	5	125	150
14	BX Phía Bắc - BX Thường Xuân Lộ trình: BX Phía Bắc - đường Dương Đình Nghệ -	70	2	60	3	75	90

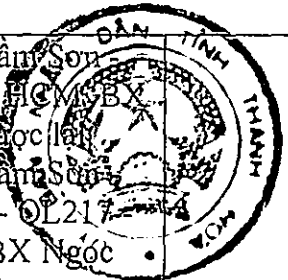


	QL 47 - BX Cửa Đạt và ngược lại.						
15	BX Phía Bắc - BX Nga Sơn Lộ trình: BX Phía Bắc - Nguyễn Chí Thanh - đường Chánh TP - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - ĐT. 508 - BX Nga Sơn và ngược lại	40	1	15	2	50	2 60
16	BX Phía Bắc - BX Bim Sơn Lộ trình: BX Phía Bắc - đường tránh TP - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - BX Bim Sơn và ngược lại.	35	0	0	2	50	2 60
17	BX Phía Bắc - BX Minh Lộc Lộ trình: BX Phía Bắc - đường tránh TP - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - ĐT. 526b - ĐT 526 - BX Minh Lộc và ngược lại.	30	0	0	4	100	4 120
18	BX Phía Bắc - BX Hoàng Hóa Lộ trình: BX Phía Bắc - đường tránh TP - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - QL 10 - BX Hoàng Hóa và ngược lại.	20	0	0	3	75	3 90
19	BX Phía Nam - BX Nghi Sơn Lộ trình: BX Phía Tây - đường Nguyễn Trãi - đường Quang Trung - QL1 - ĐT. 513 - BX Nghi Sơn và ngược lại.	70	3	60	10	600	20 1.200
20	BX Phía Nam - BX Yên Cát Lộ trình: BX Phía Nam - QL 45 - BX Yên Cát và ngược lại	60	2	60	3	75	3 90
21	BX Phía Nam - BX Nông Cống Lộ trình: BX Phía Nam - QL 45 - BX Nông Cống và ngược lại.	30	0	0	5	125	5 150
22	BX Phía Nam - BX Quảng Nhâm Lộ trình: : BX Phía Nam -	20	2	60	3	75	3 90

	đường Quang Trung - QL1 thị tứ Quảng Nhâm và ngược lại							
23	BX: Phía Nam - BX: Như Thanh Lộ trình: : BX Phía Nam- QL45 - TT Như Thanh và ngược lại.	42	1	30	3	90	5	150
24	BX Nga Sơn - BX Cẩm Thủy Lộ trình1: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - Bến xe Cẩm Thủy và ngược lại. Lộ trình2: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217 - Bến xe Cẩm Thủy và ngược lại.	70	0	0	2	50	4	120
25	BX Nga Sơn - BX Bá Thước Lộ trình1: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - BX Bá Thước và ngược lại. Lộ trình2: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217 - BX Bá Thước và ngược lại.	85	0	0	2	50	5	150
26	BX Nga Sơn - BX Hồi Xuân Lộ trình1: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - QL 217 - QL15 - BX Hồi Xuân và ngược lại. Lộ trình2: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217 - QL15 - BX Hồi Xuân và ngược lại.	110	0	0	2	50	5	150
27	BX Nga Sơn - BX Ngọc Lặc Lộ trình1: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại. Lộ trình2: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217 - ĐT. 516B - BX Ngọc Lặc	90	0	0	2	50	5	150



	và ngược lại.							
28	BX Nga Sơn - BX Quan Sơn Lộ trình1: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - QL217 - BX Quan Sơn và ngược lại. Lộ trình2: BX Nga Sơn - ĐT.508 - QL1 - QL 217 - ĐT. 516B - QL 15- QL 217- BX Quan Sơn và ngược lại.	140	0	0	2	50	5	150
29	BX Sầm Sơn - BX Quan Sơn Lộ trình1: BX Sầm Sơn - QL 47 - Đường HCM - QL217 - BX Quan Sơn và ngược lại. Lộ trình2: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL 45 - QL217 - BX Quan Sơn và ngược lại.	150	0	0	4	100	8	240
30	BX: Sầm Sơn- BX: Hồi Xuân Lộ trình1: BX Sầm Sơn - QL 47 - Đường HCM - QL217 - QL 15 - BX Hồi Xuân và ngược lại. Lộ trình2: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL 45 - QL217 - QL 15 - BX Hồi Xuân và ngược lại.	145	0	0	4	100	8	240
31	BX: Sầm Sơn- BX: Nghi Sơn Lộ trình: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL1 - ĐT. 513 - BX Nghi Sơn và ngược lại.	85	0	0	4	100	8	240
32	BX: Sầm Sơn - BX: Bim Sơn Lộ trình: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL1 - BX Bim Sơn và ngược lại.	45	0	0	2	50	4	120
33	BX Sầm Sơn - BX Vĩnh Lộc Lộ trình: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL45 - BX Vĩnh Lộc và ngược lại.	60	0	0	2	50	4	120
34	BX: Sầm Sơn- BX: Ngọc Lặc	85	0	0	2	50	4	120

	 Lộ trình1: BX Sầm Sơn - QL 47 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại. Lộ trình2: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL45 - QL217 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại.							
35	BX Sầm Sơn -BX Cẩm Thủy Lộ trình: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL45 - QL217 - BX Cẩm Thủy và ngược lại.	84	0	0	2	50	4	120
36	BX Sầm Sơn - BX Bá Thước Lộ trình: BX Sầm Sơn - QL 47 - QL45 - QL217 - BX Bá Thước và ngược lại.	96	0	0	3	75	5	150
37	BX Nghi Sơn - BX Thọ Xuân Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - QL47 - ĐT. 506 - BX Thọ Xuân và ngược lại.	110	0	0	3	75	5	150
38	BX Nghi Sơn - BX Hôi Xuân Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - QL47 - Đường HCM -QL 15 - BX Hôi Xuân và ngược lại.	190	0	0	2	50	4	120
39	BX Nghi Sơn - BX Ngọc Lặc Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - QL47 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại.	140	0	0	3	75	5	150
40	BX Nghi Sơn - BX Bỉm Sơn Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - BX Bỉm Sơn và ngược lại.	105	0	0	3	75	5	150
41	BX Nghi Sơn - BX Vĩnh Lộc Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - QL 45 - BX Vĩnh Lộc và ngược lại.	115	0	0	2	50	4	120
41	BX Nghi Sơn - BX Thạch Thành Lộ trình1: BX Nghi Sơn -	130	0	0	2	50	5	150

	ĐT.513 - QL1 - QL 45 - BX Kim Tân và ngược lại Lộ trình2 : BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - QL 217b BX Kim Tân và ngược lại						
43	BX Nghi Sơn - BX Nga Sơn Lộ trình: BX Nghi Sơn - ĐT.513 - QL1 - ĐT. 508 - BX Nga Sơn và ngược lại.	110	0	0	2	50	120
44	BX Bim Sơn - BX Cẩm Thủy Lộ trình1: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - BX Cẩm Thủy và ngược lại. Lộ trình2: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217 - BX Cẩm Thủy và ngược lại	50	0	0	2	50	120
45	BX Bim Sơn - BX Ngọc Lặc Lộ trình1: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217b - ĐT. 516 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại. Lộ trình2: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại	70	0	0	3	75	180
46	BX Bim Sơn - BX Kim Tân Lộ trình: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217b - BX Kim Tân và ngược lại.	28	1	30	2	50	60
47	BX Bim Sơn - BX Lang Chánh Lộ trình: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217b - ĐHCM - QL 15 - BX Lang Chánh và ngược lại.	82	0	0	2	50	120
48	BX Bim Sơn - BX Vĩnh Lộc Lộ trình: BX Bim Sơn - QL1 - QL 217b - QL 45 - BX Vĩnh Lộc và ngược lại	40	0	0	1	25	60
49	BX Bim Sơn - BX Quan Sơn Lộ trình: BX Bim Sơn -	150	0	0	2	50	120

	QL1 - QL 217b - đường HCM - QL 217 - BX Quan Sơn và ngược lại						
50	BX Vĩnh Lộc - BX Hội Xuân Lộ trình: BX Vĩnh Lộc - QL 217 - QL 15 - BX Hội Xuân và ngược lại	80	0	0	2	50	90
51	BX: Vĩnh Lộc - BX: Quan Sơn Lộ trình: BX Vĩnh Lộc - QL 217 - BX Quan Sơn và ngược lại.	95	0	0	2	50	90
52	BX Vĩnh Lộc - BX Ngọc Lặc Lộ trình1: BX Vĩnh Lộc - QL 217 - Đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại. Lộ trình2: BX Vĩnh Lộc - QL 45 - QL 47B - ĐT.516B - BX Ngọc Lặc và ngược lại.	42	0	0	2	50	90
53	BX Vĩnh Lộc - BX Lang Chánh Lộ trình1: BX Vĩnh Lộc - QL 217 - Đường HCM - QL15 - BX Lang Chánh và ngược lại. Lộ trình2: BX Vĩnh Lộc - QL 45 - QL 47B - ĐT.516B - QL15 - BX Lang Chánh và ngược lại.	60	0	0	2	50	90
54	BX Thọ Xuân - BX Ngọc Lặc Lộ trình: BX Thọ Xuân - ĐT.506 - đường HCM - BX Ngọc Lặc và ngược lại.	30	0	0	2	50	120
	Tổng cộng		135	3.430	289	7.590	13.255